

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HS-ST.

Ngày: 12/8/2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hữu Sơn.

2. Ông Nguyễn Đình Lê .

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Huynh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2025/TLST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2025 (Thụ lý mới số 07/2025/TLST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2025) theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2025 và và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/HSST-QĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025, đối với bị cáo:

A T, sinh ngày 19 tháng 5 năm 1999 tại tỉnh Kon Tum (Nay là tỉnh Quảng Ngãi); Số căn cước công dân 062099001208; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (Nay là thôn Đ, xã N, tỉnh Quảng Ngãi); Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Xơ Đăng; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A T1, sinh năm: 1977 và Y V, sinh năm: 1981; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/01/2025 đến nay có mặt tại phiên tòa.

Về nhân thân: Ngày 09/6/2025 bị Phòng CSĐTTP về ma túy Công tỉnh K xử phạt vi hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với số tiền 1.500.000 đồng, theo quyết định xử phạt vi hành chính số 41/QĐ-XPHC đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 19/12/2024.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Tạ Văn N – Luật sư thuộc văn phòng L và Cộng sự thực hiện Trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q số 2. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên vào khoảng 12 giờ 00 phút, ngày 21/12/2024, A T gọi điện thoại để mua ma túy của một người đàn ông (*có đặc điểm: người cao khoảng 1m70, nói giọng miền nam, mặc áo khoác da màu đen, mặc quần Jean, A T không biết nhân thân, lai lịch và địa chỉ cụ thể*) với số tiền 400.000 đồng và hẹn A T ra gần cây xăng xã Đ để lấy ma túy. A T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 86Y1-9725 đi từ nhà ở xã N đến xã Đ để mua ma túy, khi đi dọc đường đoạn xã Đ thấy một người phụ nữ mua, bán đồng nát (*không biết nhân thân, lai lịch*) A T đã bán chiếc điện thoại đang sử dụng với giá 100.000 đồng. Khi đến điểm hẹn gần cây xăng xã Đ, A T gặp người đàn ông đang đứng đợi thì A T đưa cho người đàn ông số tiền là 400.000 đồng và người đàn ông đưa cho A T 01 (*một*) đoạn ống nhựa trong suốt được hàn kín hai đầu, kích thước khoảng (02x01)cm bên trong đoạn ống nhựa có chứa ma túy. A T cầm lấy đoạn ống nhựa bên trong có chứa ma túy bỏ vào khẩu trang y tế màu xanh rồi cất giấu vào ống tay áo bên phải đang mặc đi về. Khoảng 12 giờ 15 phút cùng ngày A T bị lực lượng Công an xã Đ dừng xe để kiểm tra hành chính, quá trình kiểm tra lực lượng Công an phát hiện, thu giữ và niêm phong tang vật. Kiểm tra (*test*) nhanh chất ma túy trong cơ thể đối với A T. Kết quả A T dương tính với chất ma túy, loại Methamphetamine.

Tại bản kết luận giám định số: 517/KL-KTHS ngày 28/12/2024 của Phòng K - Công an tỉnh K, xác định: Mẫu chất các hạt tinh thể rắn màu trắng được niêm phong trong bì thư gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamine, có khối lượng là: 0,118 gam.

Tại Bản Cáo trạng số 21/CT-VKSĐH ngày 13/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum (Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Quảng Ngãi) truy tố bị cáo A T về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát; bị cáo không ý kiến gì về các hoạt động tố tụng và không có ý kiến tranh luận với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Qua tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung Cáo trạng, quyết định truy tố đối với bị cáo A T và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Đề nghị tuyên bố bị cáo A T phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Về điều luật áp dụng và hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo A T từ 12 đến 15 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày

20/01/2025; bị cáo làm nông có thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy đối với 0,115 gam ma túy, loại Methamphetamine còn lại sau giám định; 01 đoạn ống nhựa trong suốt được hàn kín hai đầu, kích khoảng (02x01)cm và 01 khẩu trang y tế màu xanh đã qua sử dụng. Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 86Y1-9725, màu đen bạc đã qua sử dụng của bị cáo A T. Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- *Người bào chữa cho bị cáo A T gửi bản luận cứ trình bày lời bào chữa:* Người bào chữa cho bị cáo thống nhất với cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo, thống nhất về tội danh, khung hình phạt và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị đối với bị cáo. Ngoài ra bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức về pháp luật cũng có phần hạn chế. Vì vậy, kính mong Hội đồng xét xử xem xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo không nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về nội dung vụ án và căn cứ định tội.*

Tại phiên tòa bị cáo A T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để kết luận:

Vào ngày 21/12/2024, bị cáo A T đã mua ma túy của một người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch với số tiền 400.000 đồng mục đích để sử dụng, khi A T điều khiển xe mô tô đi đến thôn K, xã Đ thì bị lực lượng Công an xã Đ (nay là xã Đ) phát hiện và thu giữ trên ống tay áo có một khẩu trang y tế màu xanh bên trong một ống nhựa có chứa ma túy, theo kết luận giám định là ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng 0,118 gam. Như vậy, với hành vi cất giấu 0,118 gam ma túy, loại Methamphetamine với mục đích để sử dụng của bị cáo A T đã phạm vào tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát

nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum (Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Quảng Ngãi) đã truy tố đối với bị cáo A T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo*: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội tại địa phương, đặc biệt là tình hình tội phạm về ma túy hiện nay xảy ra ngày càng gia tăng. Vì vậy, việc đưa vụ án ra xét xử công khai, kịp thời là cần thiết đồng thời cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] *Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*:

- Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.
- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.
- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được áp dụng để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo làm nông có thu nhập không ổn định và hiện đang bị tạm giam nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] *Một số nội dung có liên quan*:

- Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo A T vào ngày 21/12/2024, theo lời khai của A T. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh tại xã Đ. Tuy nhiên, không xác định được nhân thân, lai lịch, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ để xử lý. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ đối với người đàn ông nói trên, khi nào có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.
- Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của A T vào ngày 19/12/2024. Căn cứ vào các quy định của pháp luật ngày 09/06/2025 Công an tỉnh K (Nay là tỉnh Quảng Ngãi) đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với A T về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bằng hình thức phạt tiền, số tiền là: 1.500.000 đồng.

[7] *Về xử lý vật chứng của vụ án*:

Đối với 0,115 gam ma túy, loại Methamphetamine còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì và 01 đoạn ống nhựa trong suốt được hàn kín hai đầu, kích khoảng (02x01)cm và 01 khẩu trang y tế màu xanh đã qua sử dụng.

Xét thấy, ma túy là chất Nhà nước cấm tàng trữ trái phép và các vật dụng mà bị cáo dùng để cất giấu ma túy để sử dụng. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy toàn bộ.

Đối với xe mô tô mang biển kiểm soát 86Y1-9725, màu đen bạc đã qua sử dụng là của bị cáo A Thu M khoảng năm 2019. Ngày 21/12/2024 bị cáo đã sử dụng chiếc xe mô tô này làm phương tiện để đi mua ma túy và tàng trữ để sử dụng, đây là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Vì vậy, cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[8] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo A T là người đồng bào dân tộc thiểu số hiện sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc và bị cáo có đơn xin được miễn án phí nên miễn án phí cho bị cáo

V1 các lễ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo A T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: **Bị cáo A T** 12 (*Mười hai*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 20/01/2025.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy: Đối với 0,115 gam ma túy, loại Methamphetamine còn lại sau giám định đựng trong 01 bì ni lông; 01 (một) đoạn ống nhựa trong suốt, kích thước (02x01)cm; 01 (một) bì thư đựng mẫu vật gửi giám định. Tất cả được niêm phong trong 01 (một) phong bì số 571/KL-KTHS của Phòng K Công an tỉnh K và có các chữ ký ghi tên của người niêm phong tại mép dán và 01 (một) khẩu trang y tế màu xanh đã qua sử dụng.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) xe mô tô mang biển kiểm soát 86Y1-9725, màu đen bạc, đã qua sử dụng.

(Các vật chứng, đồ vật nêu trên có đặc điểm theo như các biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 16 tháng 7 năm 2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – tỉnh Quảng Ngãi).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo A T được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND KV 9 – Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT (CSMT) -
CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại TG số 2 - CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng THADS KV 9 – Quảng Ngãi;
- Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tiến